

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST.

Ngày: 01-4-2025.

V/v: *Tranh chấp
hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hưng Quang**

2. Ông **Nguyễn Trọng Di**

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 26-02-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 17-3-2025, đối với các đương sự:

-Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân PT; địa chỉ: số 13 xóm 8, thôn 3, xã PT, huyện TP, tỉnh BT.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Phụng – Cv: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Hữu Tú – Cv: Phó giám đốc. (*Theo giấy ủy quyền, ngày 02/12/2024*).

-Bị đơn: ông Trương Văn H, sinh năm 1979 và bà Lương Đào Tuyết L, sinh năm 1981; địa chỉ: xóm 9, thôn 3, xã PT, huyện TP, tỉnh BT.

Đại diện nguyên đơn có mặt; các bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20/9/2023, vợ chồng bị đơn vay tại Quỹ Tín dụng nhân

dân PT số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích vay sắm sống, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 11,5%/năm theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết số 2301000845B. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 02, có diện tích 100,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726912 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2301000845B/HĐTC ngày 20/9/2023. Tính đến ngày 18/10/2024, phía bị đơn còn nợ tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 36.154.100 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm đồng). Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 01-4-2025 là 59.548.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng), tổng cộng 359.548.000 đồng (ba trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và lãi phát sinh sau ngày 01-4-2025 theo mức lãi suất đã được hai bên ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 2301000845B ngày 20/9/2023, chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Trường hợp các bị đơn không đủ khả năng trả nợ thì nguyên đơn sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ vay trên.

- Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc và Tòa án đã tiến hành thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn cung cấp bản kê tính lãi đến ngày xét xử 01-4-2025 và trình bày ý kiến tranh luận.

- Các bị đơn không có mặt nên không có ý kiến tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn không đến Tòa án để giải quyết và đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đưa ra xét xử vắng mặt các bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân PT nợ gốc và lãi tính đến ngày 01-4-2025 với số tiền là

359.548.000 đồng (*ba trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) bao gồm: số tiền gốc là **300.000.000** đồng, tiền lãi tính đến ngày 01-4-2025 là 59.548.000 đồng (*năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ sau ngày 01-4-2025 cho khoản nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc. Trường hợp các bị đơn không thực hiện thì Quỹ tín dụng nhân dân PT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân PT.

+ Về án phí và chi phí thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chi phí thẩm định tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ Tín dụng nhân dân PT có đơn đề nghị giải quyết, yêu cầu thu hồi khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bằng hình thức niêm yết, yêu cầu các bị đơn Trương Văn H và Lương Đào Tuyết L đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng các bị đơn không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Các bên ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Nguyên đơn là tổ chức tín dụng, các bị đơn là cá nhân thuộc đối tượng cho vay có tài sản bảo đảm nên xác định đây là hợp đồng vay được ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 2301000845B/HĐTD, ngày 20/9/2023.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị đơn có vay vốn kinh doanh tại Quỹ Tín dụng nhân dân PT với số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 2301000845B/HĐTD, ngày 20/9/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11,5%/năm. Do các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc số tiền **300.000.000** đồng (*ba trăm triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 01-4-2025 là **59.548.000** đồng (*năm mươi chín*

triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ sau ngày 01-4-2025 cho khoản nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2301000845B/HĐTD, ngày 20/9/2023, là có căn cứ.

[4] Để đảm bảo cho khoản nợ vay này, các bị đơn đã thế chấp tài sản là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 02, có diện tích 100,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726912 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2301000845B/HĐTC ngày 20/9/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP ngày 20/9/2023. Như vậy việc vay vốn, việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ vay của các bị đơn, là có thật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp của các bị đơn nếu các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết là đúng quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân PT..

1.1 Buộc ông Trương Văn H và bà Lương Đào Tuyết L trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân PT nợ gốc và lãi tính đến ngày 01-4-2025 số tiền là **359.548.000 đồng** (*ba trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ sau ngày 01-4-2025 cho khoản nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc.

1.2 Trường hợp các bị đơn Trương Văn H và Lương Đào Tuyết L không thực hiện được nghĩa vụ của mình thì Quỹ Tín dụng nhân dân PT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 2301000845B/HĐTC ngày 20/9/2023 nhằm thu hồi lại vốn gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1 Các bị đơn Trương Văn H và Lương Đào Tuyết L phải nộp **17.977.400** đồng (*mười bảy triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Trả lại cho Quỹ Tín dụng nhân dân PT số tiền **8.403.000** đồng (*tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007243 ngày 02-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

3. Về chi phí thẩm định: Các bị đơn Trương Văn H và Lương Đào Tuyết L có trách nhiệm trả lại cho Quỹ Tín dụng nhân dân PT số tiền **2.400.000** đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND BT;
-VKSND TP;
-THADS TP;
-Nguyên đơn;bị đơn;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền